

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách nhà nước năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 77/2015 ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND huyện Chư Prông về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách huyện giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XII tại kỳ họp thứ Mười về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2020 nguồn vốn ngân sách huyện đầu tư;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 cho Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện và UBND các xã để triển khai thực hiện (có biểu kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch vốn được phân bổ, Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện và UBND các xã tổ chức triển khai, thực hiện và quản lý các dự án đầu tư theo đúng quy trình quản lý đầu tư và xây dựng, đảm bảo phát huy hiệu quả vốn đầu tư theo đúng kế hoạch được giao.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện, Chủ tịch UBND các xã có tên tại điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính (báo cáo)
- TT Huyện Ủy (báo cáo);
- TT HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT+TH. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Dinh Văn Dũng

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số: 3128 /QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Chư Prông)

Biểu số 01

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Lấy kế đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2020			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		
	TỔNG SỐ					80.000	80.000	19.000	19.000	42.000	42.000	15.000	-	-		
A	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng					80.000	80.000	19.000	19.000	42.000	42.000	15.000	-	-		
I	Đường liên xã Ia Băng - Ia Vê	Chư Prông	Đường giao thông cấp A dài 22,8km; công trình thoát nước và các hạng mục phụ	2018-2022	1013/QĐ-UBND; 28/10/2016	80.000	80.000	19.000	19.000	42.000	42.000	15.000			Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	

Đơn vị: Triệu đồng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số: 3128/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Chư Prông)
Đơn vị thực hiện: Ban quản lý dự án ĐTXD huyện

Biểu số 02

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2020		Ghi chú		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
	TỔNG SỐ						82.446	82.446	47.500	47.500	74.600	74.600	26.650	26.650		
A	Vốn cân đối ngân sách tỉnh							82.446	82.446	47.500	47.500	74.600	74.600	26.650	26.650	
1	Dầu tư cơ sở hạ tầng các xã biên giới huyện Chư Prông	2016-2020	H. Chư Prông	Đầu tư cơ sở hạ tầng tại 02 xã Ia Mơ và Ia Púch	1250/QĐ-UBND; 29/12/2015	20.000	20.000		14.800	14.800	17.900	17.900	3.100	3.100		
2	Thủy lợi Ia Púch, xã Ia Púch	2018-2020	Ia Púch	Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, kênh chính L=3,801km; kênh nhánh L=3km...tưới 300ha (trong đó 60ha lúa 2 vụ và 240ha cây CN + hoa màu)	967/QĐ-UBND; 31/10/2017	53.000	53.000		32.500	32.500	47.700	47.700	14.800	14.800		
3	Đường nội thị thị trấn Chư Prông	2018-2020	Thị trấn	Đường Nguyễn Chí Thanh rải thảm BTN, L=1.100m; Đường Nguyễn Trãi rải thảm BTN, L=1.150m	2197/QĐ-UBND; 24/9/2019	9.446	9.446		200	200	9.000	9.000	8.750	8.750		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ)
(Kèm theo Quyết định số: 3128/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Chư Prông)

(Kèm theo Quyết định số: 3128/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Chư Prông)																		
TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được giao KH các năm		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Lũy kế số vốn đã bố trí từ đầu giai đoạn đến hết năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Chỉ đạo thực hiện	Chú thích	
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NS huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
TỔNG SỐ																		
A	VỐN PHÂN CẤP CHO HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ								83.885	81.021	81.021	81.021	19.841	19.841	61.180	61.180		
I	Vốn dự phòng								29.631	28.221	28.221	28.221	8.921	8.921	19.300	19.300		
II	Vốn chuẩn bị đầu tư																	
III	Vốn thực hiện dự án								1.930	1.930	1.930	1.930			1.930	1.930		
(1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020								17.510	16.100	16.100	16.100	4.007	4.007	12.093	12.093		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020								17.510	16.100	16.100	16.100	4.007	4.007	12.093	12.093		
1	Trường tiểu học Phan Chu Trinh	Ia Drang	Huyện Chư Prông	7729650	072	Nhà cấp III, 02 tầng (gồm 06 Phòng học, thư viện, phòng thiết bị) DTXD khoảng 339m ² , DTX 614m ² . Sân bê tông DT 677m ²	2019-2020	2701/QĐ-UBND, 30/10/2018	3.470	3.300	3.300	3.300	1.651	1.651	1.649	1.649	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	CT chuyển tiếp
2	Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái	Ia Lầu	Huyện Chư Prông	7729645	072	Nhà cấp III, 02 tầng (Phòng học, thư viện, truyền thông, y tế) DTXD khoảng 295m ² , DTX 581m ² . Sân bê tông DT 75m ²	2019-2020	2702/QĐ-UBND, 30/10/2018	3.320	3.150	3.150	3.150	1.970	1.970	1.180	1.180	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	CT chuyển tiếp
3	Trường tiểu học Hùng Vương	TT Chư Prông	Huyện Chư Prông	7792466	072	Nhà học 08 phòng 02 tầng, DTXD khoảng 330 m ² , DTS khoảng 700m ² thảo đồ nhà hiện trạng và các HMP	2020	921/QĐ-UBND, 19/10/2018	4.110	3.700	3.700	3.700	148	148	3.552	3.552	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình đầu tư từ nguồn dự phòng vốn ngân sách tỉnh phân cấp
4	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Ia Mè	Huyện Chư Prông	7793358	071	Nhà cấp III 01 tầng (gồm phòng học và phòng chức năng, nhà hiệu bộ, nhà bếp) DTXD khoảng 662m ² , và các HMP	2020	922/QĐ-UBND, 19/10/2018	3.930	3.540	3.540	3.540	142	142	3.398	3.398	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình đầu tư từ nguồn dự phòng vốn ngân sách tỉnh phân cấp
5	Đường giao thông tổ dân phố 5 và tổ dân phố 6 (Khu làng Phìn)	TT Chư Prông	Huyện Chư Prông	7792467	292	Đường GTNT loại B; Chiều dài 02 nhánh 1.707,35m (tuyến tổ 6 dài 1.171,6m, tổ 5 dài 535,75m). Bm=5m; Bm=3,0m; BTXM dãi 1x2 mác 200 dày 16cm + HTTN	2020	919/QĐ-UBND, 19/10/2018	2.680	2.410	2.410	2.410	96	96	2.314	2.314	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	Công trình đầu tư từ nguồn dự phòng vốn ngân sách tỉnh phân cấp
IV	Vốn hỗ trợ xây dựng chương trình MTQC xây dựng nông thôn mới và đổi mới cơ cấu kinh tế và TW						2017-2020		10.191	10.191	10.191	10.191	4.914	4.914	5.277	5.277		
B	TIỀN SỬ DỰNG ĐẤT								54.254	52.800	52.800	52.800	10.920	10.920	41.880	41.880		
B.1	TIỀN SỬ DỰNG ĐẤT HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ								51.254	49.800	49.800	49.800	10.920	10.920	38.880	38.880		
I	Vốn dự phòng																	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được giao KH các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Lũy kế số vốn đã bố trí từ đầu giai đoạn đến hết năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Chi chủ
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện		
II	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, chi cho quy hoạch, chi phí đo đạc, xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu dân cư								15.900	15.900	15.900	15.900			15.900	15.900		Đã bao gồm kinh phí chi trả Quỹ PTĐ tỉnh tiền ứng DB GPMB công trình thủy lợi Ia Púch và công viên ven hồ
III	Tiền sử dụng đất trích nộp quỹ phát triển đất								6.897	6.897	6.897	6.897			6.897	6.897		
IV	Tiền sử dụng đất dành cho đầu tư								28.457	27.003	27.003	27.003	10.920	10.920	16.083	16.083		
IV.1	Vốn chuẩn bị đầu tư								1.067	1.067	1.067	1.067			1.067	1.067		
IV.2	Vốn thực hiện dự án								27.390	25.936	25.936	25.936	10.920	10.920	15.016	15.016		
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020								27.390	25.936	25.936	25.936	10.920	10.920	15.016	15.016		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020								27.390	25.936	25.936	25.936	10.920	10.920	15.016	15.016		
1	Trường THCS Lê Lợi	la Tờ	Huyện Chư Prông	7720572	073	Nhà cấp III 02 tầng, DTXD 380m2 (gồm 03 phòng chức năng, thư viện, phòng y tế, phòng truyền thống) và các hạng mục phụ.	2019-2020	1226/QĐ-UBND, 05/12/2017	4.650	4.336	4.336	4.336	3.975	3.975	361	361	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	CT chuyển tiếp
2	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	Thăng Hưng	Huyện Chư Prông	7724027	071	Nhà cấp III 02 tầng (gồm Nhà hiệu bộ, 03 phòng học, phòng y tế) DTXD 270m2. Thảo đồ nhà hiện trạng. Cải tạo 02 phòng học thành phòng chức năng và các hạng mục phụ.	2019-2020	1471/QĐ-UBND, 08/12/2017	3.580	3.400	3.400	3.400	3.065	3.065	335	335	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	CT chuyển tiếp
3	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Thăng Hưng	Huyện Chư Prông	7720573	073	Nhà cấp III 02 tầng, DTXD 380m2 (gồm 03 phòng chức năng, thư viện, phòng y tế, phòng truyền thống) và các hạng mục phụ.	2019-2020	1472/QĐ-UBND, 08/12/2017	4.210	4.000	4.000	4.000	3.580	3.580	420	420	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	CT chuyển tiếp
4	Mở rộng đường Hùng Vương giai đoạn 2 (Km 4+400.-Km6+796)	Thị trấn, Ia Drang	Huyện Chư Prông	7798192	292	Chiều dài tuyến L=2,390 Km, cải tạo, mở rộng 01 bên thêm, mặt đường đá dăm láng nhựa, hệ thống thoát nước, dải phân cách	2020	2478/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	14.950	14.200	14.200	14.200	300	300	13.900	13.900	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	
B.2	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ								3.000	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
CHƯƠNG TRÌNH 135: HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHO CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, XÃ
BIÊN GIỚI; CÁC THÔN, LÀNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Chư Prông)

Stt	Tên chương trình, dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020					Đơn vị	Ghi chú	
			Số lượng	Hệ số K	Kinh phí (triệu đồng)					
					Tổng số	Trong đó				
						NSTW	NS tính đối ứng			
	TỔNG SỐ				7.398	6.725	673			
I	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới	Xã	3		2.778	2.525	253			
1	Xã Ia O			0,8	1.030	777	253	UBND xã Ia O		
2	Xã Ia Mơ (Xã biên giới)			1,0	971	971		UBND xã Ia Mơ		
3	Xã Ia Puch (Xã biên giới)			0,8	777	777		UBND xã Ia Púch		
II	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các thôn, làng đặc biệt khó khăn (*)	Thôn, làng	21		4.620	4.200	420		Tổng số 25 thôn, làng ĐBK, Ia Tôr (4/5), Ia Drang (4/5), Ia Pía (4/6)	
1	Xã Ia Boòng		1		200	200		UBND xã Ia Boòng		
2	Xã Ia Phìn		2		400	400		UBND xã Ia Phìn		
3	Xã Ia Drang		4		800	800		UBND xã Ia Drang		
4	Xã Ia Vê		2		400	400		UBND xã Ia Vê		
5	Xã Ia Pía		4		800	800		UBND xã Ia Pía		
6	Xã Ia Lâu		2		620	400	220	UBND xã Ia Lâu		
7	Xã Ia Pior		2		600	400	200	UBND xã Ia Pior		
8	Xã Ia Tôr		4		800	800		UBND xã Ia Tôr		
Ghi chú:										

Ghi chú:

(*) Danh sách thôn, làng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc. Mỗi xã hỗ trợ đầu tư không quá 04 thôn/xã.

**KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 3128 /QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Chư Prông)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên chương trình, dự án thành phần	KH vốn giai đoạn 2016-2020 được duyệt	Lũy kế số vốn đã bố trí đến năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	4.916	2.991	1.925	
I	Vốn cân đối theo tiêu chí hỗ trợ thực hiện Chương trình KCH kênh mương và GTNT	1.488	995	493	
1	Xã Ia Phìn	310	155	155	
2	Xã Ia Lâu	129	129	-	
3	Xã Thăng Hưng	596	396	200	
4	Xã Bàu Cạn	453	315	138	
II	Nguồn xỏ số kiến thiết	3.428	1.996	1.432	
1	Xã Ia Bông	1.714	998	716	
2	Xã Ia Lâu	1.714	998	716	

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 24 /12/2019 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	72.560	38.737	33.823	
1	Xã Ia O	9.940	5.100	4.840	
2	Xã Ia Mơ	9.940	4.666	5.274	
3	Xã Ia Púch	9.940	4.260	5.680	
4	Xã Ia Drang	3.230	2.175	1.055	
5	Xã Ia Phìn	3.230	1.310	1.920	
6	Xã Ia Bắg	3.230	1.841	1.389	
7	Xã Ia Bòong	3.230	3.081	149	
8	Xã Bàu Cạn	2.485	300	2.185	
9	Xã Thăng Hưng	2.485	2.255	230	
10	Xã Ia Lâu	2.485	2.240	245	
11	Xã Ia Ga	2.485	2.485	-	
12	Xã Ia Kly	2.485	660	1.825	
13	Xã Bình Giáo	2.485	530	1.955	
14	Xã Ia Tôr	2.485	525	1.960	
15	Xã Ia Bang	2.485	1.910	575	
16	Xã Ia Me	2.485	1.901	584	
17	Xã Ia Vê	2.485	2.042	443	
18	Xã Ia Pia	2.485	356	2.129	
19	Xã Ia Pior	2.485	1.100	1.385	

Biểu số 7

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHÂN CẤP CHO CÁC
XÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ NĂM 2020
 (Kèm theo Quyết định số: 3128 /QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Chư Prông)
 Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn tiền sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch vốn tiền sử dụng đất đã phân cấp đến hết 2019	Kế hoạch vốn tiền sử dụng đất phân cấp cho xã năm 2020	Ghi chú
	Tổng số	16.000	13.000	3.000	
1	Xã Ia Bông	1.200	900	300	
2	Xã Ia Phìn	1.550	1.300	250	
3	Xã Thăng Hưng	900	650	250	
4	Xã Bình Giáo	900	750	150	
5	Xã Ia Bâng	2.200	1.900	300	
6	Xã Ia Pia	420	270	150	
7	Xã Ia Tôr	560	410	150	
8	Xã Ia Vê	560	460	100	
9	Xã Ia Lâu	450	350	100	
10	Xã Ia Me	510	410	100	
11	Xã Ia Mơ	350	300	50	
12	Xã Ia O	380	280	100	
13	Xã Ia Pior	420	320	100	
14	Xã Ia Bang	260	160	100	
15	Xã Ia Drang	2.190	1.890	300	
16	Xã Ia Ga	430	330	100	
17	Xã Bàu Cạn	2.420	2.120	300	
18	Xã Ia Kly	300	200	100	